

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 tháng 03 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Tôn giáo học định hướng ứng dụng, mã số ngành: 8229009

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Tôn giáo học định hướng ứng dụng ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho học viên từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng Bộ môn Tôn giáo học và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Hoàng Anh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: ỨNG DỤNG
NGÀNH: TÔN GIÁO HỌC
MÃ SỐ : 8229009

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2891/QĐ-XHNV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)*

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Tôn giáo học

+ Tiếng Anh: Religious Studies

- Mã số ngành đào tạo: 8229009

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 02 năm

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Tôn giáo học

+ Tiếng Anh: The Degree of Master in Religious Studies

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo.

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo bậc thạc sĩ ngành Tôn giáo học nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Có kiến thức chuyên môn sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu về Tôn giáo học. Có năng lực vận dụng sáng tạo, linh hoạt kiến thức và kỹ năng chuyên môn đã học vào hoạt động thực tiễn, đáp ứng các yêu cầu của công tác tôn giáo.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình được thiết kết để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao:

- Vận dụng sáng tạo hệ thống lý thuyết về Tôn giáo học, phương pháp nghiên cứu liên ngành và kiến thức chuyên môn sâu, rộng để giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn các công tác liên quan đến tôn giáo.

- Có khả năng nghiên cứu độc lập, vận dụng sáng tạo kiến thức và các kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ để xây dựng, phân tích, tư vấn và giải quyết các vấn đề mà công tác tôn giáo đặt ra.

- Có bản lĩnh, lập trường chính trị vững vàng, có tinh thần thượng tôn pháp luật, có thái độ hợp tác, nghiêm túc trong công việc, tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

3.2. Đối tượng dự tuyển

3.2.1. Yêu cầu về văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp. Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thì cần hoàn thành trước khi đăng kí dự tuyển.

- Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2.2. Yêu cầu về ngoại ngữ

- Có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu của chương trình đào tạo bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Năng lực ngoại ngữ được minh chứng qua một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự thi thạc sĩ được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN công nhận.

- Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài đều đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của chương trình đào tạo (nếu có).

3.2.3. Yêu cầu khác

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có đủ sức khỏe để học tập;
- Đáp ứng các yêu cầu khác của ĐHQGHN.

3.3. Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức

3.3.1. Danh mục ngành phù hợp

- Ngành phù hợp 1: Tôn giáo học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Triết học, Giáo dục chính trị.

- Ngành phù hợp 2: Tâm lý học, Gia đình học, Xã hội học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Khoa học Quản lý, Hán Nôm, Nhân học, Quản lý Nhà nước, Lịch sử, Quan hệ quốc tế, Chính trị học, Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Văn học, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, Việt Nam học, Luật, Ngôn ngữ học, Châu Á học, Báo chí, Trung Quốc học, Du lịch học, Đông Nam Á học, Đông phương học, Nhật Bản học, Văn hóa học, Hàn Quốc học, Quản lý văn hóa

- Ngành phù hợp 3: Tất cả các ngành còn lại.

3.3.2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức dành cho đối tượng ngành phù hợp 2 và ngành phù hợp 3

STT	Học phần	Số tín chỉ
Các học phần bổ sung kiến thức dành cho đối tượng ngành phù hợp 2		12
1	Triết học tôn giáo và tôn giáo học so sánh	3
2	Nho giáo và Đạo giáo ở Việt Nam	3
3	Nhà nước - Tôn giáo - Luật pháp	3

STT	Học phần	Số tín chỉ
4	Lịch sử các tổ chức tôn giáo và giáo hội học tôn giáo	3
Các học phần bổ sung kiến thức dành cho đối tượng ngành phù hợp 3		15
I	Học phần bắt buộc	12
1	Triết học tôn giáo và tôn giáo học so sánh	3
2	Nho giáo và Đạo giáo ở Việt Nam	3
3	Nhà nước - Tôn giáo - Luật pháp	3
4	Lịch sử các tổ chức tôn giáo và giáo hội học tôn giáo	3
II	Học phần tự chọn	3/9
5	Nhập môn Công giáo; Hồi giáo; Baha’I; Bà-La-môn giáo ở Việt Nam	3
6	Đạo Tin lành và Mặc môn ở Việt Nam	3
7	Hiện tượng tôn giáo mới trên thế giới và Việt Nam	3

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh

- Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm. (Dự kiến từ 10-12 học viên/ năm)
- Kế hoạch tuyển sinh chi tiết được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

PLO 1. Phân tích thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin vào nhận thức và nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn và hoạt động thực tiễn của người học

1.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành

PLO 2. Vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực Tôn giáo học để ứng dụng trong nghiên cứu và thực tiễn.

PLO 3. Hệ thống hóa một cách khách quan các vấn đề liên quan đến tình hình tôn giáo ở Việt Nam và thế giới.

PLO 4. Xây dựng các giải pháp và kiến nghị trên cơ sở kết quả nghiên cứu để giải quyết các vấn đề trong công tác Tôn giáo, tín ngưỡng.

1.3. Thực tập, thực tế

PLO 5. Vận dụng lý thuyết đa ngành, liên ngành và kiến thức phù hợp, tiên tiến để giải thích một cách hệ thống các vấn đề về Tôn giáo.

PLO 6. Phân tích và đưa ra những giải pháp, kiến nghị trong việc triển khai hoạt động thực tập, thực tế.

1.4. Yêu cầu đối học phần tốt nghiệp

- Kiến thức: Học phần tốt nghiệp là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có hệ thống, có những đóng góp giá trị về mặt khoa học và thực tiễn, phù hợp với chuyên ngành Tôn giáo học.

- Phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào.

- Kết quả của học phần tốt nghiệp phải có đóng góp nhất định với ngành, có giá trị đối với lĩnh vực nghiên cứu, hoạt động của người học

- Học phần tốt nghiệp phải đáp ứng các yêu cầu cụ thể khác theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Chuẩn đầu ra về kĩ năng

PLO 7. Có kĩ năng phân tích và tổng hợp các vấn đề liên quan đến Tôn giáo một cách toàn diện, khách quan, trên cơ sở đó đánh giá và đề xuất phương án giải quyết các vấn đề một cách khoa học phù hợp với thực tiễn.

PLO 8. Có kỹ năng truyền đạt tri thức (thuyết trình, phản biện, thảo luận) về Tôn giáo dựa trên các kết quả nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học tại cơ quan chuyên môn và các nhà quản lý về Tôn giáo.

PLO 9. Có kỹ năng tổ chức và đánh giá hiệu quả, tính thực tiễn của các đề án, các hoạt động tôn giáo, văn hóa và tín ngưỡng.

PLO 10. Lập kế hoạch quản lý và triển khai các công tác liên quan đến nghiệp vụ, sử dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn và nghề nghiệp.

PLO 11. Quản lý, triển khai đề tài/đề án đáp ứng yêu cầu thực tiễn, áp dụng hiệu

quả vào các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng

PLO 12. Có trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh hoặc tiếng chuyên ngành) tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc áp dụng cho Việt Nam.

3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO 13. Nghiên cứu đưa ra những kết luận, sáng kiến, ứng dụng vào thực tế công việc trong lĩnh vực Tôn giáo, tín ngưỡng.

PLO 14. Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác trong quá trình áp dụng những kết quả nghiên cứu vào các công tác liên quan đến Tôn giáo, tín ngưỡng

PLO 15. Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Tôn giáo.

PLO 16. Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động liên quan đến Tôn giáo phù hợp với thực tế và sự phát triển chung của xã hội.

PLO 17. Trách nhiệm, làm việc chuyên nghiệp, khoa học, có tư duy phản biện, sáng tạo, tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, hợp tác tích cực trong nghiên cứu và công việc. Luôn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ Tôn giáo học định hướng ứng dụng, học viên có thể sử dụng các kiến thức và kỹ năng được đào tạo để tham gia và đảm nhiệm ở nhiều cương vị công tác khác nhau như:

- Làm công tác nghiên cứu và giảng dạy Tôn giáo, làm công tác quản lý tôn giáo, làm việc trong các cơ quan hành chính của Nhà nước như Ban dân vận, sở nội vụ... và các trường của các đoàn thể chính trị xã hội khác, các trường Đại học, các viện nghiên cứu và các cơ sở đào tạo khác.

- Công tác trong các cơ quan hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị, các tổ chức kinh tế - xã hội.

- Làm công tác nghiên cứu ở các cơ ban ngành của Chính phủ, địa phương.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự tìm tòi và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động thực tiễn tại cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp;

- Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu về các vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan đến tôn giáo;

- Học viên sau khi tốt nghiệp Thạc sĩ ngành Tôn giáo học có thể học tiếp lên bậc học Tiến sĩ tại Việt Nam hoặc đi nghiên cứu chuyên sâu ở nước ngoài.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo:

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **60** tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức chung: 9 Tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: **33** Tín chỉ
 - + Bắt buộc 21 Tín chỉ
 - + Tự chọn 12 tín chỉ/30 Tín chỉ
- Thực tập: 9 Tín chỉ
- Học phần tốt nghiệp 9 Tín chỉ

2. Khung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Khối kiến thức chung		9				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	55	10	135	
2	Ngoại ngữ B2* (chọn một trong các ngoại ngữ sau)		5	250	0	0	
	ENG5001	Tiếng Anh B2 <i>English B2</i>	5	250	0	0	
	RUS5001	Tiếng Nga B2 <i>Russian B2</i>	5	250	0	0	
	CHI5001	Tiếng Trung Quốc B2 <i>Chinese</i>	5	250	0	0	
	FRE5001	Tiếng Pháp B2 <i>French B2</i>	5	250	0	0	
	WES5001	Tiếng Đức B2 <i>Germany B2</i>	5	250	0	0	
	OLC5001	Tiếng Nhật B2 <i>Japanes B2</i>	5	250	0	0	
	KOR5001	Tiếng Hàn Quốc B2 <i>Korean B2</i>	5	250	0	0	
	THA5001	Tiếng Thái Lan B2 <i>Thailand B2</i>	5	250	0	0	
	ARA5001	Tiếng Ả Rập B2 <i>Arabic B2</i>	5	250	0	0	

* Số tín chỉ của học phần ngoại ngữ B2 được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo nhưng không tính vào điểm trung bình chung tích lũy

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		33				
II.1	Các học phần bắt buộc		21				
3	REL6001	Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về Tôn giáo <i>Marxism - Leninism and Ho Chi Minh, the Communist Party of Viet Nam on Religion</i>	3	40	10	100	
4	REL6002	Tôn giáo, văn hóa và đời sống xã hội <i>Religious, Culture and Social life</i>	3	40	10	100	
5	REL6003	Phương pháp và cách tiếp cận nghiên cứu tôn giáo <i>Methodology and Method of religious research</i>	3	40	10	100	
6	REL6004	Quản lý Nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay <i>State management of belief and religious activities today in Vietnam</i>	3	40	10	100	
7	REL6005	Tín ngưỡng, tôn giáo khu vực Đông Nam Á <i>Beliefs and religions in Southeast Asia</i>	3	40	10	100	
8	REL6006	Nguồn lực của tôn giáo và phát huy nguồn lực của tôn giáo ở Việt Nam <i>Religious resource and the way to promote of religious resource in Vietnam</i>	3	40	10	100	
9	REL6007	Tôn giáo mới trong bối cảnh toàn cầu <i>New religion movement in the global context</i>	3	40	10	100	
II.2	Các học phần tự chọn		12/30				
10	REL6016	Nghệ thuật tín ngưỡng, tôn giáo và bảo tồn di sản tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam <i>The art of Religious and beliefs, and religious heritage conservation in Vietnam</i>	3	40	10	100	
11	REL6008	Phật giáo và văn hóa Việt Nam: Lịch sử và hiện tại <i>Buddhism and Vietnamese</i>	3	40	10	100	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>culture: History and present</i>					
12	REL6009	Công giáo và văn hóa Việt Nam: lịch sử và hiện tại <i>Catholicism and Vietnamese culture: History and present</i>	3	40	10	100	
13	REL6010	Đạo Tin Lành và văn hóa Việt Nam: lịch sử và hiện tại <i>Protestantism and Vietnamese culture: History and present</i>	3	40	10	100	
14	REL6011	Hồi giáo và văn hóa Việt Nam: lịch sử và hiện tại <i>Islam and Vietnamese culture: History and present</i>	3	40	10	100	
15	REL6012	Thực hành nghiệp vụ Công tác tôn giáo ở Việt Nam <i>The practice of profession on religious work in Vietnam</i>	3	40	10	100	
16	REL6017	Kinh sách tôn giáo và tiếp cận kinh sách tôn giáo <i>Religious scripture and religious scripture approach</i>	3	40	10	100	
17	REL6018	Tôn giáo Phương Đông và ứng dụng <i>Eastern religious and application</i>	3	40	10	100	
18	REL6019	Tôn giáo phương Tây và ứng dụng <i>Western religious and application</i>	3	40	10	100	
19	REL6020	Đời sống tín ngưỡng, tôn giáo ở khu vực Nam Bộ Việt Nam <i>The life of religions and beliefs in the south of Vietnam</i>	3	40	10	100	
III	Thực tập, thực tế		9				
20	REL6021	Thực tập <i>Internships</i>	9	10	0	440	
IV	Học phần tốt nghiệp		9				
21	REL7002	Đồ án <i>Project</i>	9	0	0	450	
Tổng cộng			60				

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra,

đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá